

Số : 147/CĐN

Đồng Nai, ngày 18 tháng 9 năm 2017

“Báo cáo số liệu nữ công năm 2017”.

Kính gửi: Các CĐCS trực thuộc Công đoàn Ngành Y tế Đồng Nai.

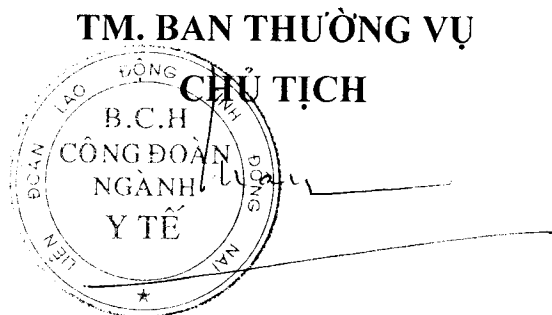
Thực hiện công văn số 2051/LĐLĐ ngày 15/9/2017 của Liên Đoàn Lao Động tỉnh Đồng Nai về việc Báo cáo số liệu nữ công năm 2017 nhằm chuẩn bị cho việc đánh giá phong trào nữ Cán bộ công chức, viên chức lao động năm 2017.

Ban Thường vụ Công đoàn ngành Y tế Đồng Nai đề nghị các CĐCS báo cáo hoạt động nữ công tại cơ sở theo mẫu đính kèm (chỉ cần điền số liệu) gửi về Thường trực Công đoàn ngành **trước ngày 25/10/2017**. Để tổng hợp báo cáo Liên Đoàn Lao Động tỉnh.

Mong các đơn vị lưu ý thực hiện.

Nơi nhận:

- 38 CĐCS (thực hiện);
- website Sở Y tế;
- Lưu CDN.



Trần Quốc Tuấn

**BÁO CÁO SỐ LIỆU
HOẠT ĐỘNG NỮ CÔNG NĂM 2017**

(Tính từ 30/10/2016 - 30/10/2017)

Gửi về cho Ban Nữ công LĐLĐ tỉnh chậm nhất vào ngày 31/10/2017

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC

Nội dung tuyên truyền	Cấp trên cơ sở			Cấp cơ sở			
	Hình thức tổ chức	Số đợt tổ chức	Số lượt nữ CNVCLĐ/ T.số CNVCLĐ được học tập	Số CĐCS tổ chức	Hình thức tổ chức	Số đợt tổ chức	Số lượt nữ CNVCLĐ/ T.số CNVCLĐ được học tập
1. Tuyên truyền các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, nghị quyết của cấp ủy, của CĐ cấp trên, cụ thể:							
1.1. Tuyên truyền chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng	a. Nghị quyết 20/NQ-TW về xây dựng giai cấp công nhân thời kỳ CNH, HĐH.						
	b. Nghị quyết 11/NQ-TW "Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước".						
	c. Các nghị quyết của cấp ủy Đảng						
1.2. Tuyên truyền Nghị quyết 6b/NQ-TLĐ ngày 29/01/2011 của TLĐ về công tác vận động nữ CNVCLĐ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước".							

1.3. Các nghị quyết, chỉ thị của CĐ cấp trên							
2. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động nhân các ngày lễ kỷ niệm							
a. Kỷ niệm 107 năm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và 1977 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng							
b. Ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10							
c. Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3							
d. Ngày Gia đình Việt Nam 28/6							
e. Ngày Dân số Thế giới 11/7							
f. Ngày Dân số Việt Nam 26/12							
3. Tuyên truyền học tập về pháp luật liên quan đến chính sách cho LĐ nữ, công tác giới, công tác gia đình - bà mẹ - trẻ em							
a. Luật bình đẳng giới							
b. Luật Phòng chống Bạo lực gia đình							
c. Bộ luật Lao động và Luật công đoàn							
d. Luật Trẻ em năm 2016							
e. Chương trình phòng, chống bạo hành trong gia đình của UBND tỉnh							
f. Chương trình phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em của UBND tỉnh							
g. Pháp lệnh Dân số và Nghị định 104-NĐ/CP về Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Dân số							
h. Tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, các chính sách cho LĐ nữ							
4. Công tác tập huấn							
a. Nghiệp vụ công tác nữ công							
b. Đề án 343/CP về "Tuyên truyền, giáo dục đạo đức phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đầy mạnh CNH, HĐH đất nước"							

c. Đề án 704 về "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt"							
d. Nghị định 85-NĐ/CP ngày 01/10/2015 về "Quy định chi tiết của Bộ luật lao động về chính sách đối với LĐ nữ"							
e. Tập huấn về bình đẳng giới, lồng ghép giới trong hoạt động CĐ							

II. PHONG TRÀO THI ĐUA TRONG NỮ CNVCLĐ

TT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Chỉ tiêu đề ra trong năm 2017	
1	Đăng ký phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"	Số CĐCS đăng ký/ Tổng số CĐCS	CĐCS			
		Số nữ CNVCLĐ đăng ký/Tổng số LĐ nữ của đơn vị	người			
2	Số nữ CNVCLĐ đạt các danh hiệu (cuối năm 2016)	Khối HCSN và DNNN	LĐ tiên tiến		(nữ/T.số người được công nhận)	
			Chiến sĩ thi đua	CSTD cấp tỉnh		
		Khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh		LĐ xếp loại A		(nữ/Tổng số người được công nhận)
			LĐ xếp loại B			
3	Số tập thể và cá nhân đạt danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"	Cá nhân được công nhận đạt danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"/Tổng số đoàn viên nữ của đơn vị				
		Tập thể tổ nữ công được công nhận đạt danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"/Tổng số tổ CĐ vững mạnh của đơn vị				
4	Gia đình văn hóa	Số gia đình đạt "Gia đình văn hóa"/Tổng số gia đình CNVCLĐ của đơn vị				
5	Các danh hiệu khác	Lao động sáng tạo		nữ/t.số người đạt danh hiệu		
		Nhà giáo ưu tú				
		Thầy thuốc ưu tú				

6	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ	Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Trung cấp	nữ/tổng số người được học tập nâng cao trình độ		
			Đại học			
			Trên Đại học			
		Số cán bộ chuyên trách được cử đi đào tạo (lý luận và nghiệp vụ công đoàn, quản lý Nhà nước, lý luận chính trị)		nữ/tổng số cán bộ được cử đi đào tạo		
Số cán bộ được tập huấn bồi dưỡng	CD cấp trên trực tiếp cơ sở	nữ/tổng số cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng				
	CD cơ sở					
7	Xây dựng gia đình CNVCLĐ “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”	Tổng số nữ CNVCLĐ có gia đình/Tổng số nữ CNVCLĐ của đơn vị				
		Tổng số nữ CNVCLĐ có con/T.số nữ CNVCLĐ có gia đình của đơn vị				
		Số nữ CNVCLĐ ly hôn/ tổng số CNVCLĐ ly hôn của đơn vị				
		Nguyên nhân ly hôn	Bạo lực gia đình			
			Mâu thuẫn về kinh tế			
Cờ bạc, ma túy, rượu chè						

III. CHĂM LO, BẢO VỆ LỢI ÍCH HỢP PHÁP, CHÍNH ĐÁNG CỦA NỮ CNVCLĐ

1/. Tham gia giải quyết các chế độ, chính sách cho lao động nữ

Nội dung	Ban Nữ công tham gia giải quyết các kiến nghị		
	Tổng số kiến nghị	Tổng số kiến nghị được giải quyết	Kết quả giải quyết kiến nghị (nêu kết quả cụ thể)
Việc làm			
Tiền lương			
Hợp đồng lao động			

Chế độ thôi việc			
Thai sản			
Nuôi con nhỏ (dưới 6 tuổi)			
Bảo hiểm xã hội			
Bảo hiểm y tế			
Các nội dung khác + +			

2. Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách cho nữ CNVCLĐ

- Số đơn vị tổ chức :/.....tổng số đơn vị
- Kết quả:.....

3. Xây dựng mô hình Hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ tại nơi làm việc

- Số đơn vị triển khai mô hình:/Tổng số CĐCS khối doanh nghiệp
- Số mô hình được lắp đặt:phòng vắt, trữ sữa.

4. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Tổ chức cho nữ CNVCLĐ khám sức khỏe và khám phụ khoa định kỳ:
 - + Số đơn vị tổ chức:...../.....tổng số đơn vị.
 - + Số CNLĐ khám sức khỏe:nữ/.....tổng số LĐ nữ; kinh phí:đồng.
 - + Số nữ CNLĐ khám phụ khoa:nữ/.....tổng số LĐ nữ; kinh phí: đồng.
- Số người thực hiện các biện pháp tránh thai:người.

5. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em:

- Tổng số con CNVCLĐ:, trong đó:

+ Số cháu dưới 6 tuổi: cháu.

+ Số cháu từ 6 tuổi trở lên: cháu.

- Hoạt động trao học bổng cho con CNVCLĐ : Traosuất, kinh phí:.....đồng/suất, do đơn vị
.....hỗ trợ.

a) Tháng hành động vì trẻ em: Đóng góp Quỹ “Bảo trợ trẻ em”

+ Số CNVCLĐ tham gia: người.

+ Số tiền: đồng.

b) Hoạt động tuyên dương con CNVCLĐ “Học giỏi, sống tốt”:

- Số đơn vị tổ chức tuyên dương, khen thưởng, trong đó:

+ Số CĐCS tổ chức tuyên dương con CNVCLĐ “Học giỏi, sống tốt”:CĐCS/.....tổng số CĐCS

+ Số cháu được tuyên dương:; kinh phí đồng.

- Vận động Quỹ “Học giỏi, sống tốt”:

+ Số CĐCS đóng góp:/..... tổng số CĐCS.

+ Số tiền: đồng.

c) Hoạt động Quốc tế thiếu nhi 1/6 và Tết trung thu

+ Số đơn vị tổ chức 1/6:...../.....tổng số đơn vị

+ Số cháu:; kinh phí:đồng.

+ Số đơn vị tổ chức Tết trung thu: đơn vị.

+ Số cháu:; kinh phí:đồng.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TRONG NĂM CNVCLĐ:

1/ Các loại quỹ:

- Tương trợ:

Tổng số vốn:...../lượt nữ vay.....

- Tín chấp:

Tổng số tiền vay:...../lượt nữ vay:

- Quỹ “Vi nữ CNVCLĐ nghèo”:

Tổng số vốn:.....; Số lượt người vay:

2/ Các hoạt động xã hội khác:

Các hoạt động khác (kể tên và kết quả):

Tên hoạt động	Kết quả	Kinh phí

V. CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Biểu 1: Số liệu lao động và đoàn viên

STT	Nội dung yêu cầu	Tổng số	Số nữ	Tỷ lệ nữ
1	Lao động			
2	Đoàn viên			
	Số đoàn viên phát triển mới			
3	Đảng viên			
	Số giới thiệu			
	Số kết nạp			

Biểu 2: Số liệu nữ cán bộ công đoàn

STT	Nội dung yêu cầu	Tổng số	Số nữ	Tỷ lệ nữ
I	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở			
1	Chủ tịch, phó Chủ tịch			
2	Ủy viên ban thường vụ			
3	Ủy viên ban chấp hành			
4	Số cán bộ CĐ cấp trên trực tiếp tham gia BCH LĐLĐ tỉnh			
5	Số cán bộ tham gia BCH Tổng Liên đoàn			
6	Số cán bộ của CĐ cấp trên trực tiếp tham gia cấp ủy cùng cấp			
II	Công đoàn cơ sở			
1	Chủ tịch			
2	Phó chủ tịch			
3	Ủy viên ban thường vụ			
4	Ủy viên ban chấp hành			
5	Số cán bộ CĐCS tham gia BCH công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở			
6	Số cán bộ của CĐCS tham gia cấp ủy cùng cấp			

Biểu 3: Số liệu Ban Nữ công quần chúng

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
I	Số liệu Công đoàn cơ sở		
1	Tổng số công đoàn cơ sở	tổng số	

2	Thành lập mới	tổng số	
3	Số cán bộ công đoàn chuyên trách	nữ/tổng số	
4	Số cán bộ CĐ không chuyên trách	nữ/tổng số	
5	Tổng số CĐCS có dưới 10 nữ đoàn viên	tổng số	
II	Số liệu Ban Nữ công quần chúng		
1	Ban Nữ công Công đoàn cấp trên cơ sở		
-	Tổng số Ủy viên ban nữ công		
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Ủy viên ban nữ công có tham gia Ban Chấp hành LĐLĐ huyện, thị, thành phố, CĐ các ngành, CĐ các Tcty, Cđoàn KCN, CĐ Viên chức tỉnh và CĐCS Cty Cp Ô tô Trường Hải.	Người	
	<i>Trong đó:</i>		
	• Giữ vị trí chủ tịch hoặc phó chủ tịch CĐ cấp trên cơ sở	Người	
	• Chủ tịch hoặc phó chủ tịch CĐ cơ sở	Người	
	• Cán bộ chuyên trách công đoàn cấp trên cơ sở	Người	
-	Trưởng ban nữ công quần chúng là cán bộ Hội phụ nữ (nếu có)	Người	
-	Số cán bộ làm công tác nữ công được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công tác công đoàn, nữ công, bình đẳng giới		
	+ Đã qua đào tạo	Người	
	+ Chưa qua đào tạo	Người	
2	Ban nữ công Công đoàn cơ sở		
-	Tổng số CĐ cơ sở của đơn vị	tổng số	
-	Số CĐ cơ sở đã thành lập Ban Nữ công	tổng số	
	<i>Trong đó:</i>		

	+ Số ban nữ công có quyết định thành lập bằng văn bản	tổng số	
	+ Số CĐCS chưa có quyết định thành lập Ban NC nhưng BCH CĐCS phân công 1 UV BCH phụ trách công tác nữ công	tổng số	
-	Số CĐCS có dưới 10 nữ đoàn viên		
-	Tổng số Ủy viên ban nữ công quần chúng cấp cơ sở		
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Ủy viên ban nữ công quần chúng có tham gia BCH CĐ cơ sở	Người	
	<i>Trong đó:</i>		
	• Giữ vị trí chủ tịch hoặc phó chủ tịch CĐ cơ sở	Người	
	• Cán bộ quản lý chuyên môn tại doanh nghiệp	Người	
	• Tổ trưởng, tổ phó sản xuất	Người	
	• Công nhân trực tiếp sản xuất	Người	
-	Số Câu lạc bộ nữ công	CLB	
-	Số cán bộ làm công tác nữ công CĐCS được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công tác công đoàn, nữ công, bình đẳng giới		
	+ Đã qua đào tạo	Người	
	+ Chưa qua đào tạo	Người	
-	Trưởng ban nữ công quần chúng là cán bộ Hội phụ nữ (nếu có)	Người	
-	Chất lượng hoạt động của ban nữ công quần chúng		
	+ Tốt	%	
	+ Khá	%	
	+ Trung bình	%	

VI. CHẾ ĐỘ THỰC HIỆN THÔNG TIN BÁO CÁO

STT	Nội dung báo cáo	Báo cáo	
		Có	Không
01	Báo cáo 8/3		
02	Báo cáo “Học giỏi, sống tốt”		
03	Báo cáo 20/10		
04	Báo cáo quý		
05	Báo cáo 6 tháng		
06	Báo cáo năm		

VII. NHỮNG KIẾN NGHỊ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017
TM. BAN THƯỜNG VỤ
(ký tên, đóng dấu)